

- Xác định được đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Việt Nam trên bản đồ.
- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế – xã hội và an ninh quốc phòng.

2. Năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ tự học: luôn chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ trong học tập.
 - + Giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được các vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết.
- Năng lực đặc thù:
 - + Nhận thức khoa học Địa lí: sử dụng bản đồ để xác định được đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Việt Nam; phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế – xã hội và an ninh quốc phòng.
 - + Tìm hiểu địa lí: tìm hiểu các thông tin về pháp lí của các vùng biển Việt Nam theo Luật Biển Việt Nam năm 2012.

3. Phẩm chất

- Yêu quê hương, đất nước.
- Có trách nhiệm tuyên truyền và bảo vệ sự toàn vẹn, chủ quyền lãnh thổ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, máy chiếu, thiết bị điện tử kết nối internet (nếu có),...
- Bản đồ hành chính Việt Nam, bản đồ Việt Nam trong Đông Nam Á.
- Sơ đồ mặt cắt khái quát các vùng biển Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam năm 2012).
- SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

2. Học sinh

SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

- Kết nối tri thức HS đã có về vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ với nội dung bài học.
- Tạo hứng thú cho HS với nội dung bài học.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV sử dụng hình ảnh các cột mốc biên giới, biển, đảo,... và hỏi HS về suy nghĩ, cảm nhận của em khi nhìn những hình ảnh đó.
- Bước 2: HS huy động hiểu biết để nêu cảm nhận của mình.
- Bước 3: Một số HS trả lời.
- Bước 4: Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Nội dung 1: Tìm hiểu về vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Việt Nam

a) Mục tiêu

Xác định được đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Việt Nam trên bản đồ.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ sau: Đọc thông tin trong SGK, ghi lại những đặc điểm vị trí địa lí của Việt Nam. GV hướng dẫn HS xác định trên bản đồ vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của Việt Nam.
- Bước 2: HS đọc thông tin trong SGK, kết hợp bản đồ hành chính Việt Nam năm 2021 (hình 1.1 trang 6), ghi lại những từ khoá, các ý thể hiện đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của Việt Nam.
- Bước 3: Một số HS trình bày kết quả làm việc cá nhân. Trong quá trình HS trình bày, GV đặt thêm câu hỏi gợi mở để HS trả lời được vào trọng tâm vấn đề. Các HS lắng nghe phần trả lời của bạn, nhận xét và bổ sung ý kiến.
- Bước 4: GV đánh giá và tổng kết nội dung.

1. Vị trí địa lí

- Việt Nam nằm trên bán đảo Đông Dương, gần trung tâm của khu vực Đông Nam Á. Trên đất liền, nước ta tiếp giáp với Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia và có chung Biển Đông với nhiều quốc gia. Việt Nam nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc và thuộc khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa châu Á.
- Lãnh thổ Việt Nam tiếp giáp với Biển Đông thông ra Thái Bình Dương, gần nơi giao nhau của các vành đai sinh khoáng lớn là Thái Bình Dương và Địa Trung Hải, trên đường di lưu của các loài sinh vật.
- Việt Nam nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế nối liền châu Á với châu Đại Dương, Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương; trong khu vực kinh tế phát triển năng động bậc nhất trên thế giới.

2. Phạm vi lãnh thổ

Vùng đất	Vùng đất là toàn bộ phần đất liền được xác định trong phạm vi đường biên giới của nước ta với các nước láng giềng và phần đất nổi của đảo trên Biển Đông, với tổng diện tích các đơn vị hành chính hơn 331 nghìn km ² .
Vùng biển	Vùng biển Việt Nam có diện tích khoảng 1 triệu km ² , bao gồm: nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.
Vùng trời	Vùng trời Việt Nam là khoảng không gian bao trùm lên lãnh thổ nước ta.

2.2. Nội dung 2: Tìm hiểu về ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế – xã hội và an ninh quốc phòng

a) Mục tiêu

Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế – xã hội và an ninh quốc phòng.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV giao nhiệm vụ HS làm việc theo nhóm, theo vị trí ngồi cùng bàn của HS. Mỗi nhóm khoảng 4 – 5 HS:

+ Tìm hiểu ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế – xã hội và an ninh quốc phòng ở nước ta.

+ Hình thức trình bày kết quả: sơ đồ cây, sơ đồ tư duy, bảng hệ thống kiến thức,...

- Bước 2: HS trong nhóm phân chia nhiệm vụ, đọc thông tin trong SGK, thảo luận, tổng kết nội dung. Các nhóm trình bày phần tìm hiểu lên giấy A0.
- Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc nhóm bằng kĩ thuật triển lãm hoặc thảo luận. Các nhóm theo dõi các sản phẩm của nhóm khác, nhận xét và bổ sung.
- Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức trên một sản phẩm. Các nhóm khác tự hoàn thiện sản phẩm.

ẢNH HƯỞNG CỦA VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ

Đến tự nhiên	– Nước ta có sắc thái chung của thiên nhiên vùng nhiệt đới ẩm gió mùa. – Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển, các hệ sinh thái rừng thường xanh chiếm ưu thế. – Tài nguyên khoáng sản khá phong phú, đa dạng. – Nước ta là nơi hội tụ của nhiều luồng sinh vật nên thành phần loài sinh vật nước ta rất phong phú. – Thiên nhiên của nước ta có sự phân hoá đa dạng, khác nhau giữa miền Bắc với miền Nam; giữa miền núi với đồng bằng,... hình thành các miền địa lí tự nhiên khác nhau. – Nước ta nằm trong vùng có nhiều thiên tai như bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, ngập lụt, hạn hán,...
--------------	---

Đến kinh tế – xã hội	- Tạo điều kiện cho Việt Nam hội nhập, giao lưu thuận lợi với các nước trong khu vực và trên thế giới, thúc đẩy mở cửa và thu hút vốn đầu tư của nước ngoài. - Các nước trong khu vực Đông Nam Á có nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hoá – xã hội và mối giao lưu lâu đời, tạo điều kiện thuận lợi cho nước ta chung sống hoà bình, hợp tác hữu nghị và cùng phát triển.
Đến an ninh quốc phòng	Nước ta có vị trí đặc biệt quan trọng, ở khu vực kinh tế năng động và nhạy cảm về chính trị trên thế giới. Đặc biệt, Biển Đông đối với nước ta là một hướng chiến lược quan trọng trong công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế và bảo vệ đất nước.

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Hệ thống hoá kiến thức đã học.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV yêu cầu HS lập sơ đồ thể hiện ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên Việt Nam.
- Bước 2: HS hoàn thành nhiệm vụ trên lớp.
- Bước 3: GV mời một số HS trình bày.
- Bước 4: GV có thể thu lại sơ đồ, đánh giá kết quả học tập của HS thành một điểm đánh giá thường xuyên.

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề địa lí trong thực tế.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu về chế độ pháp lí của các vùng biển nước ta theo Luật Biển Việt Nam năm 2012.
- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.
- Bước 3: HS nộp bài lên nhóm lớp.
- Bước 4: GV nhận xét bài làm cho HS.

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG

Câu 1. Ý nào sau đây **không** đúng về đặc điểm vị trí địa lí nước ta?

- A. Lãnh thổ Việt Nam tiếp giáp với Biển Đông ở phía Đông.
- B. Việt Nam nằm trong khu vực kinh tế phát triển năng động.
- C. Lãnh thổ Việt Nam bao gồm vùng đất, vùng biển, vùng trời.
- D. Việt Nam nằm trên bán đảo Đông Dương, gần trung tâm Đông Nam Á.

Câu 2. Nội thủy là

- A. vùng biển tiếp liền lãnh hải rộng 12 hải lí.
- B. vùng biển có chiều rộng 12 hải lí tính từ bờ biển trở ra.
- C. vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở.
- D. vùng đất biển, lòng đất dưới đáy biển rộng 12 hải lí từ bờ ra.

Câu 3. Vùng đất của nước ta bao gồm:

- A. toàn bộ phần đất liền và vùng mặt trước cách bờ 12 hải lí.
- B. toàn bộ phần đất liền trong phạm vi đường biên giới và các đảo.
- C. toàn bộ phần đất nổi các đảo và phần đáy biển của thềm lục địa.
- D. toàn bộ phần đất liền trong phạm vi đường biên giới và thềm lục địa.

Câu 4. Vị trí địa lí và đặc điểm lãnh thổ đã tạo cho thiên nhiên nước ta

- A. giống các nước có cùng vĩ độ ở Tây Á và Bắc Phi.
- B. có sự phân hoá đa dạng, phức tạp.
- C. nghèo nàn.
- D. khá đồng nhất từ Bắc vào Nam.

Bài 2 THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA

(Thời lượng kiến thức: 2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa thông qua khí hậu và các thành phần tự nhiên khác.
- Phân tích được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống.
- Sử dụng được bản đồ tự nhiên Việt Nam, số liệu thống kê ở trình bày đặc điểm thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

2. Năng lực

- Năng lực chung: phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua xác định và làm rõ thông tin từ các nguồn khác nhau để thấy được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.
- Năng lực đặc thù:
 - + Nhận thức khoa học Địa lí: phân tích mối quan hệ nhân quả giữa khí hậu nhiệt đới gió mùa với các thành phần tự nhiên khác như đất, sinh vật, thủy văn, địa hình,...; phân tích được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đối với sản xuất và đời sống.
 - + Tìm hiểu địa lí: sử dụng lược đồ, bản đồ, bảng số liệu để phân tích các đặc điểm của tự nhiên.

3. Phẩm chất

- Yêu quê hương, đất nước.
- Có trách nhiệm bảo vệ thiên nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, máy chiếu, thiết bị điện tử kết nối internet (nếu có),...
- Lược đồ gió mùa mùa đông, gió mùa mùa hạ ở Đông Nam Á; bản đồ khí hậu Việt Nam.
- Phiếu học tập.
- SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

2. Học sinh

SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

- Kết nối tri thức HS đã có về đặc điểm thiên nhiên Việt Nam với bài học.
- Tạo hứng thú cho HS với nội dung bài học.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV cho HS xem một vài hình ảnh về thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta, kết hợp đặt các câu hỏi để trả lời: *Các hình ảnh này liên tưởng đến đặc điểm nào của thiên nhiên nước ta? Tại sao nước ta lại có đặc điểm thiên nhiên đó?*
- Bước 2: HS quan sát hình ảnh, tìm câu trả lời.
- Bước 3: Một số HS trả lời.
- Bước 4: Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Nội dung 1: Tìm hiểu về biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa

a) Mục tiêu

Trình bày được các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa thông qua khí hậu và các thành phần tự nhiên khác.

b) Tổ chức thực hiện

* Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa

- Bước 1: GV đặt câu hỏi gợi mở để huy động kiến thức HS đã có: *Khí hậu được thể hiện qua các yếu tố nào? Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của khí hậu biểu hiện như thế nào?*

GV hướng dẫn HS đọc bản đồ, cách quan sát hướng gió, từ khu vực áp cao thổi về khu vực áp thấp, lưu ý các trạm khí tượng trên bản đồ khí hậu.

- Bước 2: HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK, kết hợp với đọc bảng số liệu 2.1, 2.2, hình 2.1, 2.2, 2.3 trong SGK, tóm tắt lại những biểu hiện của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa qua các yếu tố nhiệt độ, lượng mưa, gió.
- Bước 3: HS trình bày kết quả.
- Bước 4: GV đánh giá và tổng kết nội dung.

Biểu hiện của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của nước ta thể hiện qua các yếu tố:

- Lượng bức xạ mặt trời lớn, nhiệt độ trung bình năm trên 20°C (trừ vùng núi cao), tổng số giờ nắng trong năm dao động từ 1 400 – 3 000 giờ.
- Lượng mưa, độ ẩm lớn: Lượng mưa trung bình năm ở nước ta từ 1 500 – 2 000 mm. Độ ẩm tương đối của không khí trung bình hằng năm từ 80 – 85%, cân bằng ẩm luôn dương.
- Hoạt động của gió mùa: Tín phong hoạt động quanh năm và gió hoạt động theo mùa là gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ.

* Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về biểu hiện qua địa hình

- Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân, yêu cầu HS đọc thông tin SGK, trình bày biểu hiện của địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta.
- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.
- Bước 3: Một số HS trình bày, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến.
- Bước 4: GV đánh giá và tổng kết nội dung.

– Các quá trình phong hoá diễn ra mạnh mẽ; khu vực đá vôi hình thành địa hình các-xtơ.

– Quá trình xâm thực – bồi tụ là quá trình chính trong sự hình thành địa hình Việt Nam biểu hiện qua: xâm thực mạnh ở đồi núi và bồi tụ ở vùng đồng bằng.

* Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu biểu hiện nhiệt đới ẩm gió mùa qua sông ngòi

- Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK, sau đó tóm tắt các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa qua yếu tố sông ngòi.
- Bước 2: HS đọc thông tin, ghi lại các từ khoá thể hiện biểu hiện qua sông ngòi.
- Bước 3: Một số HS trả lời.
- Bước 4: GV đánh giá, tổng kết: Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa thể hiện ở mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhiều nước, giàu phù sa, chế độ nước sông theo mùa.

* Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu biểu hiện qua đất và sinh vật

- Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trình bày biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa qua thành phần đất và sinh vật.
- Bước 2: HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ.
- Bước 3: GV gọi một số HS trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.
- Bước 4: GV đánh giá và tổng kết nội dung.

– Đất: Feralit là quá trình hình thành đất đặc trưng của vùng khí hậu nhiệt đới ẩm, sự phân mùa mưa khô làm tăng cường sự tích tụ ô-xít sắt, ô-xít nhôm, tạo thành các tầng kết von hoặc đá ong.

– Sinh vật: Các loài thực vật, động vật nhiệt đới chiếm ưu thế. Hệ sinh thái rừng nguyên sinh phổ biến ở nước ta là rừng rậm nhiệt ẩm lá rộng thường xanh.

* GV có thể tổ chức dạy học theo phương pháp học tập theo nhóm nhỏ, mỗi nhóm tìm hiểu một thành phần tự nhiên. Sau đó các nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác đặt thêm câu hỏi, nhận xét và bổ sung ý kiến. GV có vai trò nhận xét, chuẩn hoá và tổng kết kiến thức.

2.2. Nội dung 2: Tìm hiểu về ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến hoạt động sản xuất và đời sống

a) Mục tiêu

Phân tích được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV phân chia lớp thành các nhóm theo trình độ, đảm bảo trình độ của mỗi nhóm HS là tương đương. Mỗi nhóm không quá 5 HS. Nhiệm vụ của nhóm: Tìm hiểu ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến hoạt động sản xuất và đời sống.

Hình thức trình bày kết quả: sơ đồ tư duy.

- Bước 2: Các nhóm HS phân chia nhiệm vụ, đọc thông tin trong SGK, hoàn thành nhiệm vụ.
- Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc nhóm bằng kĩ thuật triển lãm hoặc thảo luận. Các nhóm theo dõi các sản phẩm của nhóm khác, nhận xét và bổ sung.
- Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức trên một sản phẩm ví dụ.

ẢNH HƯỞNG CỦA THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA	
Đến hoạt động sản xuất	– Nông nghiệp: + Phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới; tăng vụ, tăng năng suất, tạo tiền đề sản xuất nông nghiệp hàng hoá. + Cơ cấu cây trồng, vật nuôi đa dạng. + Thời tiết thất thường gây khó khăn cho hoạt động canh tác, kế hoạch mùa vụ, phòng chống thiên tai, phòng chống dịch bệnh,... - Các hoạt động kinh tế khác: thuận lợi phát triển các ngành kinh tế khác như lâm nghiệp, thuỷ sản, giao thông vận tải, du lịch, khai thác khoáng sản, xây dựng,... Các hoạt động này ảnh hưởng bởi thiên tai; khó khăn trong việc bảo dưỡng máy móc, thiết bị và bảo quản các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp,...

Đến đời sống	- Nhìn chung thuận lợi cho đời sống con người diễn ra quanh năm. Lượng mưa lớn là nguồn cung cấp nước quan trọng cho đời sống. – Những khó khăn: + Thiên tai, hiện tượng thời tiết cực đoan thường xuyên diễn ra, tác động của biến đổi khí hậu ảnh hưởng rất lớn đến đời sống, thiệt hại người và tài sản. + Bệnh truyền nhiễm, thành dịch lan rộng ảnh hưởng đến con người.
--------------	--

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Sử dụng kiến thức đã học để phân tích mối quan hệ nhân quả của các thành phần tự nhiên cho HS.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV yêu cầu HS liên hệ kiến thức đã học, phân tích tác động của vị trí địa lý và hình dạng lãnh thổ tới đặc điểm khí hậu nước ta. Sản phẩm học tập của HS là đoạn phân tích.
- Bước 2: HS hoàn thành nhiệm vụ trên lớp.
- Bước 3: Một số HS trình bày kết quả.
- Bước 4: GV tổng kết, đánh giá.

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề thực tế địa phương.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu về ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống nơi em ở.
- Bước 2: HS hoàn thành nhiệm vụ ở nhà.
- Bước 3: HS nộp bài lên nhóm lớp.
- Bước 4: GV nhận xét, góp ý bài làm cho HS.

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG

Câu 1. Điền vào chỗ ... nội dung phù hợp:

- Các yếu tố thể hiện khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của nước ta là:

.....

.....

– Hai quá trình hình thành địa hình chính ở nước ta là:

.....

– Sông ngòi của nước ta có đặc điểm:

.....

.....

Câu 2. Cơ cấu cây trồng vật nuôi của nước ta đa dạng do

- A. nước ta nằm ở khu vực châu Á gió mùa.
- B. khí hậu nước ta phân hoá đa dạng.
- C. nước ta nhập ngoại nhiều giống từ các nước ôn đới.
- D. người dân có tập quán canh tác đa dạng.

Câu 3. Đặc điểm nào dưới đây của sông ngòi nước ta thể hiện rõ nhất tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa?

- A. Mạng lưới sông ngòi thưa thớt.
- B. Sông ngòi nhiều nước nhưng ít phù sa.
- C. Chế độ nước sông theo mùa.
- D. Các sông dài tập trung ở miền Bắc.

Câu 4. Ý nào **không** đúng khi nói về ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến đời sống?

- A. Nhìn chung thuận lợi cho đời sống con người.
- B. Lượng mưa dồi dào, nguồn nước phong phú cho sinh hoạt và sản xuất.
- C. Là môi trường sống lí tưởng nhất cho con người.
- D. Có nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan như nắng nóng, mưa lớn, mưa đá, hạn hán,...